TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **313**/2024/DS-PT
Ngày 15 tháng 8 năm 2024
V/v tranh chấp hụi và vay nợ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Quang Thế**

Các Thẩm phán: Ông **Dương Hùng Quang**

Bà **Châu Minh Hoàng**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Hứa Như Nguyện** – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau*** tham gia phiên toà*:* Bà **Lê Thị Màu** - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2024 tại Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2024/TLPT-DS ngày 15/7/2024 về việc tranh chấp hụi và nợ vay.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 110/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 246/2024/QĐPT-DS ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Khóm E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Trương Tuấn K** (vắng mặt); Bà **Nguyễn Thị Huỳnh N**, sinh năm 1976 (có mặt); Cùng địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn Đ, huyện Đ.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà L trình bày: Ông K và bà N có tham gia hụi do bà làm chủ cụ thể:

Ngày 19/9/2022 âm lịch tham gia 2 chưng hụi 5.000.000 đồng, hụi có 25 chưng, mỗi tháng khui 1 lần, hụi này chưa mãn. Ngày 19/10/2022 ông K, bà N hốt 1 chưng, bỏ hụi 1.650.000 đồng (hụi sống 23 chưng x 3.350.000 đồng = 77.050.000 đồng, hụi chết 1 chưng x 5.000.000 đồng = 5.000.000 đồng), số tiền hốt được 82.050.000 đồng. Ngày 19/12/2022 anh K, chị N hốt chân thứ hai, bỏ hụi 2.100.000 đồng (hụi sống 21 chưng x 2.900.000 đồng = 60.900.000 đồng, hụi chết 3 chưng x 5.000.000 đồng = 15.000.000 đồng, trừ hoa hồng 3.200.000 đồng), số tiền hốt được 72.700.000 đồng. Ông K, bà N đóng hụi đến ngày 19/6/2023 được 14 kỳ còn lại 14 kỳ hụi chết x 5.000.000 đồng = 70.000.000 đồng x 2 chưng = 140.000.000 đồng.

- Ngày 25/11/2022 âm lịch tham gia 4 chưng hụi 5.000.000 đồng, hụi có 30 chưng, mỗi tháng khui 1 lần, hụi chưa mãn. Ngày 25/3/2023 ông K, bà N hốt 1 chưng, hốt hụi lần thứ 6, bỏ hụi 1.700.000 đồng (hụi sống 24 chưng x 3.300.000 đồng = 79.200.000 đồng, hụi chết 5 chưng x 5.000.000 đồng = 25.000.000 đồng, trừ hoa hồng 3.200.000 đồng), hốt hụi được số tiền 101.000.000 đồng. Ngày 25/4/2023 ông K, bà N hốt 1 chưng, hốt hụi lần thứ 7, bỏ hụi 1.850.000 đồng (hụi sống 23 chưng x 3.150.000 đồng = 72.450.000 đồng, hụi chết 6 chưng x 5.000.000 đồng = 30.000.000 đồng, trừ hoa hồng 3.400.000 đồng), hốt hụi được số tiền 99.050000 đồng. Ông K, bà N đóng hụi đến ngày 25/6/2023 được 09 kỳ còn lại 21 kỳ hụi chết x 5.000.000 đồng = 105.000.000 đồng x 2 chưng = 210.000.000 đồng.

- Ngày 14/6/2023 âm lịch hụi ngày, tổng 100 phần, mỗi ngày gom 1.000.000 đồng, đóng 100 ngày thì đủ, đóng được 29 ngày còn lại 71 ngày tương ứng 71.000.000 đồng, ông K cần tiền nên bà có ra hụi (không có tên thành viên tham gia) tương ứng 100 kỳ hụi ngày tương ứng số tiền 89.100.000 đồng, quy ra hụi ngày 99 kỳ x 90 = 89.100.000 đồng, trừ hoa hồng 10.000 đồng/chưng, tổng số tiền ông K, bà N hốt được là 88.100.000 đồng, mỗi ngày phải đóng 1.000.000 đồng, đóng đủ 100 ngày mãn, ông K và bà N đóng đến ngày 13/7/2023 âm lịch thì ngưng, số tiền đóng được 29 ngày tương ứng 29.000.000 đồng, ông K và bà N còn nợ 71 ngày tương ứng 71.000.000 đồng. Hụi này còn 21 lần nửa mãn hụi.

- Ngày 28/02/2023 âm lịch ông K, bà N có mượn của bà L số tiền 80.000.000 đồng, ông K ký tên nhận, khi mượn bà N và ông K cùng hỏi mượn, bà không tính lãi suất.

Tổng số tiền ông K, bà N nợ bà L là 501.000.000 đồng, ông K bà N còn 2 chưng hụi sống đóng được 9 kỳ tương ứng số tiền 90.000.000 đồng, đối trừ số tiền nợ còn lại 411.000.000 đồng.

Bà Bùi Thị L yêu cầu ông Trương Tuấn K và bà Nguyễn Thị Huỳnh N cùng có trách nhiệm trả lại số tiền còn thiếu là 411.000.000đ (trong đó: tiền hụi 331.000.000 đồng, tiền vay 80.000.000 đồng).

Bà N trình bày: Năm 2018, bà có tham gia hụi của bà L làm chủ và đóng hụi đầy đủ, sau khi mãn hụi thì không tham gia tiếp, bà và ông K trước nay vẫn sống chung nhà, từ khi chung sống ông K cũng có nghề làm thợ bạc, vợ chồng làm kinh tế chung có tạo lập được khối tài sản chung là căn nhà bà đang ở do ông K đứng tên. Tuy nhiên, phần hụi này là nợ riêng của ông K bà không biết, bởi vì từ khi dịch bệnh Covid 19 bà và ông K xảy ra nhiều mâu thuẫn, kinh tế cũng làm riêng. Ông K bỏ đi khoảng từ tháng 7-8/2023 đến nay không về.

Đối với ông Trương Tuấn K: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông K hợp lệ nhưng anh K không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L. Buộc ông Trương Tuấn K và bà Nguyễn Thị Huỳnh N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền hụi và vay là 411.000.000 đồng (bốn trăm mười một triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/5/2024, bà N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm buộc ông K thanh toán nợ cho bà L, bà không liên quan đến khoản nợ này.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Bà L yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung, ông K bà L là vợ chồng hợp pháp, số nợ này phát sinh trong giai đoàn hai người vẫn còn tồn tại quan hệ vợ chồng nên kiến nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm số 110/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, không chấp nhận kháng cáo của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức, nội dung đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo được bà N thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật TTDS, HĐXX sẽ xem xét kháng cáo của bà theo quy định. Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hụi và vay nợ nên cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông K đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt ông theo quy định tại khoản 2, Điều 296 BLTTDS.

Về số nợ hụi và nợ vay các bên không kháng cáo và không tranh chấp số nợ nhiều hay ít nên HĐXX không can thiệp điều chỉnh.

[2] Xét kháng cáo của bà N: Mặc dù bà N cho rằng bà và ông K là vợ chồng nhưng khi ông K tham gia chơi hụi và vay tiền của bà L bà không biết, theo giao ước chơi hụi thì các dây hụi ông K tham gia mở vào tháng 9 và tháng 11 năm 2022 al, chính bà N khai ông K bỏ nhà đi khoảng tháng 7, 8 năm 2023 al. Như vậy thời gian ông K giao dịch đóng và hốt hụi hơn một năm mới bỏ đi, các dây hụi này đều là hụi tháng và khoản nợ vay thì giao dịch hàng ngày, trong khi đó ông K bà N sống chung nhà, nên bà N khai ông K giao dịch hụi và vay tiền bà L bà không biết là không phù hợp. Mặt khác quan hệ giữa ông K bà N là quan hệ vợ chồng, khi ông K giao dịch hụi và vay nợ của bà L thì giữa hai người vẫn đang tồn tại quan hệ vợ chồng, sống chung một nhà với nhau, cùng nhau nuôi dạy con cái và chăm lo cho gia đình, hơn nữa số tiền hai bên giao dịch có giá trị lớn, do đó vợ chồng ông K, bà N phải cùng có nghĩa vụ đối với số tiền này, nên kháng cáo của bà N không được chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kiến nghị không chấp nhận kháng cáo của bà N là phù hợp với nhận định của HĐXX.

[3] Án phí phúc thẩm bà N phải chịu theo quy định tại điều 148 Bộ luật TTDS.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308, Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huỳnh N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 110/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi. *Tuyên Xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L. Buộc ông Trương Tuấn K và bà Nguyễn Thị Huỳnh N cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Bùi Thị L số tiền hụi và vay là 411.000.000 đồng (bốn trăm mười một triệu đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng ông K, bà N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Ông Trương Tuấn K và bà Nguyễn Thị Huỳnh N phải chịu 20.440.000 đồng (hai mươi triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Bà Bùi Thị L không phải chịu, ngày 20/12/2023 bà đã nộp tạm ứng số tiền 10.220.000 đồng (mười triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) theo lai thu số 0000492 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được hoàn lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà N phải chịu 300.000đ, ngày 20/5/2024 bà đã dự nộp số tiền này tại biên lai số 1226 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ninh Quang Thế